

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐÔNG TIẾN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐÔNG TIẾN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DONG TIEN CONSTRUCTION INVESTMENT CONSULTING CORPORATION

Tên công ty viết tắt: DONG TIEN CORPORATION

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110010089

**3. Ngày thành lập:** 25/05/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Ba Chũr, Xã Vân Nội, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0977686907

Fax:

Email: [CullitDong@gmail.com](mailto:CullitDong@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như:<br>- Thang máy, thang cuốn;<br>- Cửa cuốn, cửa tự động;<br>- Dây dẫn chống sét;<br>- Hệ thống hút bụi;<br>- Hệ thống âm thanh;<br>- Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung;<br>- Hệ thống bảo vệ, camera quan sát;<br>- Hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống báo cháy, chữa cháy tự động. | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4330     |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |      |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 4. | <p>Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc;</li> <li>- Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước;</li> <li>- Chống ẩm các toà nhà;</li> <li>- Đào giếng (trong ngành khai thác mỏ);</li> <li>- Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối;</li> <li>- Uốn thép;</li> <li>- Xây gạch và đặt đá;</li> <li>- Lợp mái các công trình nhà để ở;</li> <li>- Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo;</li> <li>- Lắp dựng ống khói và lò sấy công nghiệp;</li> <li>- Xây dựng bể bơi ngoài trời;</li> <li>- Rửa bằng hơi nước, phun cát và các hoạt động tương tự cho mặt ngoài công trình nhà;</li> </ul> | 4390 |
| 5. | <p>Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đại lý mua bán hàng hóa (trừ hoạt động của các đấu giá viên);</li> <li>- Môi giới mua bán hàng hóa (không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản và môi giới hôn nhân).</li> </ul> <p>(Trừ đấu giá hàng hóa)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4610 |
| 6. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4651 |
| 7. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4652 |
| 8. | <p>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng</li> <li>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)</li> <li>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày</li> <li>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)</li> <li>- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế</li> <li>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu;</li> </ul>                                                                                                            | 4659 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 9.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến<br>- Bán buôn xi măng<br>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi<br>- Bán buôn kính xây dựng<br>- Bán buôn sơn, vécni<br>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh<br>- Bán buôn đồ ngũ kim<br>- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng | 4663 |
| 10. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa.                                                                                                                                                                                                                                                          | 8299 |
| 11. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 9511 |
| 12. | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 9522 |
| 13. | Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 9524 |
| 14. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư.                                                                                                                                                                                                                                                                              | 6619 |
| 15. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý)                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7020 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 16. | <p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khảo sát xây dựng;</li> <li>- Lập thiết kế quy hoạch xây dựng;</li> <li>- Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng;</li> <li>- Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng;</li> <li>- Tư vấn giám sát thi công xây dựng;</li> <li>- Kiểm định xây dựng;</li> <li>- Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;</li> <li>- Hoạt động tư vấn đầu tư xây dựng;</li> <li>- Thiết kế kiến trúc công trình;</li> <li>- Thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng - công nghiệp;</li> <li>- Thiết kế cơ - điện công trình;</li> <li>- Thiết kế cấp – thoát nước công trình;</li> <li>- Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật;</li> <li>- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác như: Việc chuẩn bị và thực hiện các dự án liên quan đến kỹ thuật điện và điện tử, kỹ thuật khai khoáng, kỹ thuật hoá học, dược học, công nghiệp và nhiều hệ thống, kỹ thuật an toàn hoặc những dự án quản lý nước; Việc chuẩn bị các dự án sử dụng máy điều hoà, tủ lạnh, máy hút bụi và kỹ thuật kiểm soát ô nhiễm, kỹ thuật âm thanh...</li> <li>- Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước;</li> <li>- Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và phác thảo công trình; lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan;</li> <li>- Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông.</li> <li>- Tư vấn, thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy công trình dân dụng và công nghiệp;</li> <li>- Tư vấn, giám sát công tác lắp đặt thiết bị phòng cháy chữa cháy trong xây dựng công trình;</li> <li>- Hoạt động đo đạc và bản đồ;</li> <li>- Hoạt động khảo sát trắc địa công trình.</li> </ul> | 7110(Chính) |
| 17. | <p>Quảng cáo</p> <p>(trừ quảng cáo bị Nhà nước cấm)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7310        |
| 18. | <p>Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận</p> <p>(không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7320        |
| 19. | <p>Hoạt động thiết kế chuyên dụng</p> <p>Chi tiết: Hoạt động thiết kế trang trí nội thất.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7410        |
| 20. | <p>Cho thuê xe có động cơ</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho thuê ô tô;</li> <li>- Cho thuê xe giải trí, xe trượt tuyết;</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7710        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 21. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4690 |
| 22. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 1622 |
| 23. | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 1623 |
| 24. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 1629 |
| 25. | In ấn<br>(trừ các loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 1811 |
| 26. | Dịch vụ liên quan đến in<br>(trừ các loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 1812 |
| 27. | Sao chép bản ghi các loại<br>(trừ các loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 1820 |
| 28. | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2710 |
| 29. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4933 |
| 30. | Vận tải hành khách đường thủy nội địa<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định;<br>- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng chuyên;<br>- Kinh doanh vận chuyển khách du lịch;<br>- Kinh doanh vận tải hành khách ngang sông.                                                                                                                                                                           | 5021 |
| 31. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5210 |
| 32. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5224 |
| 33. | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7721 |
| 34. | Cho thuê băng, đĩa video                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7722 |
| 35. | Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác<br>Chi tiết: Cho thuê tất cả các loại đồ dùng (cá nhân và gia đình) cho hộ gia đình sử dụng hoặc kinh doanh (trừ thiết bị thể thao và giải trí):<br>- Đồ dệt, trang phục và giày dép;<br>- Đồ đạc, gồm sứ, đồ bếp, thiết bị điện và đồ gia dụng;<br>- Đồ trang sức, thiết bị âm nhạc, bàn ghế, phong bật, quần áo...;<br>- Sách, tạp chí;<br>- Hoa và cây;<br>- Thiết bị điện cho gia đình. | 7729 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 36. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết:<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển;<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển;<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển;<br>- Cho thuê tàu, thuyền và kết cấu nổi không kèm người điều khiển; | 7730 |
| 37. | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp<br>Chi tiết: Làm sạch nội thất, bảo dưỡng, dọn dẹp rác, bảo vệ, gửi thư, lễ tân, giặt là và các dịch vụ có liên quan đáp ứng nhu cầu của khách hàng.                                                                                                                                                                                                                                 | 8110 |
| 38. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 8121 |
| 39. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8129 |
| 40. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 8130 |
| 41. | Xây dựng nhà để ở<br>Chi tiết: Xây dựng chung cư cao tầng, biệt thự, nhà liền kề, nhà ở riêng lẻ.                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4101 |
| 42. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4102 |
| 43. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4211 |
| 44. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4212 |
| 45. | Xây dựng công trình điện<br>(Trừ xây dựng hệ thống điện quốc gia)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4221 |
| 46. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4222 |
| 47. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4223 |
| 48. | Xây dựng công trình công ích khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình xử lý bùn.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4229 |
| 49. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4291 |
| 50. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4292 |
| 51. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4293 |
| 52. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết:<br>- Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời.<br>- Chia tách đất với cải tạo đất (ví dụ: đắp, mở rộng đường, cơ sở hạ tầng công...).                                                                                                                                                                             | 4299 |
| 53. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4312 |

**6. Vốn điều lệ:** 999.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 99.900

## 8. Cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông     | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | PHẠM HỮU TIỀN   | Thôn Lạn, Xã Các Sơn, Thị xã Nghi Sơn, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam        | Cổ phần phổ thông         | 24.975     | 249.750.000           | 25,000    | 038084011366                                                                                |         |
|     |                 |                                                                        | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                        | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                        | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                        | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                        | Tổng số                   | 24.975     | 249.750.000           | 25,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                        |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN VĂN ĐÔNG | Thôn Ba Chũ, Xã Vân Nội, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam    | Cổ phần phổ thông         | 59.940     | 599.400.000           | 60,000    | 025082000748                                                                                |         |
|     |                 |                                                                        | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                        | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                        | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                        | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                        | Tổng số                   | 59.940     | 599.400.000           | 60,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                        |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                 |                                                                    |                           |        |             |        |              |
|---|-----------------|--------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|--------------|
| 3 | DƯƠNG TRỌNG THỌ | Thôn Môn Tự, Xã Tân Dân, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 14.985 | 149.850.000 | 15,000 | 001079016490 |
|   |                 |                                                                    | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                    | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                    | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                    | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                    | Tổng số                   | 14.985 | 149.850.000 | 15,000 |              |
|   |                 |                                                                    |                           |        |             |        |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN ĐÔNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/12/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 025082000748

Ngày cấp: 10/07/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Ba Chũr, Xã Vân Nội, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Ba Chũr, Xã Vân Nội, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội